NGÀNH **XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY** **HỆ ĐẠI HỌC** Mã ngành 109

1 Thời gian đào tạo **4.5** năm

2 Khối lượng kiến thức toàn khóa **161** tín chỉ

Trong đó: Giáo dục đại cương 55 tín chỉ

Giáo dục chuyên nghiệp 106 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HP bắt buộc	HP tự chọn	HP học trước	HP tiên quyết	Ghi chú	Học kỳ	Tổng số tín chỉ
1	005001	Nguyên lý CBCN Mác-Lênin	5	x					1	
2	001001	Đại số	3	x					1	
3	006001	Tiếng Anh cơ bản 1	3	x					1	
4	002001	Vật lý 1	3	x					1	
5	003001	Hoá học đại cương	2	x					1	
6	122000	Tin học đại cương	3	x					1	
7	004001	Giáo dục thể chất (Điền kinh)	1	x					1	
8	007001	Đường lối quân sự của Đảng	1	x					1	
9	007002	Công tác quốc phòng, an ninh	1	x					1	
10	007003	Quân sự chung	1	x					1	
11	007004	Chiến thuật & KT bắn súng TL AK	1	x					1	24
12	005002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		005001			2	
13	006002	Tiếng Anh cơ bản 2	3	x		006001			2	
14	001002	Giải tích 1	4	x					2	
15	002002	Vật lý 2	3	x					2	
16	004002	Giáo dục thể chất (B.Chuyền 1)	1	x					2	
17	084001	Hình học họa hình	2	x					2	
18	005004	Pháp luật đại cương	2	x					2	
19	091011	Cơ học lý thuyết	2	x		001001			2	19
20	005003	Đường lối CM của đảng CSVN	3	x		005002			3	
21	001003	Giải tích 2	4	x		001001 001002			3	
22	091071	Thủy lực	2	x		001001			3	
23	004004	Giáo dục thể chất (Bơi 1)	1	x		004003			3	
24	092010	Trắc địa	3	x					3	
25	092020	Thực tập trắc địa	1	x		092010			3	
26	084004	Vẽ kĩ thuật xây dựng	2	x		084001			3	
27	001005	Toán chuyên đề 1	2	x		001001			3	
28	091021	Sức bền vật liệu 1	3	x		091011			3	21
29	092050	Địa chất công trình	2	x					4	
30	092060	Thực tập địa chất	1	x		092050			4	
31	092030	Vật liệu xây dựng	3	x					4	
32	092040	Thí nghiệm vật liệu xây dựng	1	x		092030			4	
33	091051	Cơ học kết cấu 1	3	x		091021			4	
34	091031	Sức bền vật liệu 2	3	x		091021			4	
35	092130	Kiến trúc	2	x					4	15
36	092070	Cơ học đất	3	x					5	
37	092080	Thí nghiệm Cơ học đất	1	x		092070			5	
38	092231	Thi công cơ bản	2	x					5	
39	092140	Kết cấu thép	3	x					5	
40	091061	Cơ học kết cấu 2	3	x		091051			5	
41	092150	Tin học ứng dụng 1	2	x		122000			5	
42	081083	Máy xây dựng	2	x					5	
43	006900	Tiếng Anh kỹ thuật công trình	2	x		006002			5	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HP bắt buộc	HP tự chọn	HP học trước	HP tiên quyết	Ghi chú	Học kỳ	Tổng số tín chỉ
44	093210	Thực tập công nhân	1	x					5	19
45	092110	Nền và móng	3	x		092070			6	
46	092120	ĐAMH Nền và móng	1	x		092070			6	
47	093010	Qui hoạch cảng	3	x					6	
48	093020	ĐAMH Qui hoạch cảng	1	x					6	
49	092190	Thủy văn công trình	2	x		001005			6	
50	092200	Thực tập Thủy văn	1	x					6	
51	092210	Động lực học sông biển	2	x					6	
52	006909	Tiếng Anh chuyên ngành XDCTT	2	x		006009			6	
53	092090	Kết cấu bê tông cốt thép	3	x					6	
54	092100	ĐAMH Kết cấu bê tông cốt thép	1	x					6	
55	093161	TTTK CT BC theo các TT G.hạn	1		x			Chọn 1 trong 4 học phần	6	
56	093162	TTTK móng cọc trong CT B.cảng	1		x				6	
57	093163	CSTKTT động đất cho CT B.cảng	1		x				6	
58	093164	TT kết cấu trên nền đàn hồi	1		x				6	20
59	092232	CT cảng trên nền đất yếu	2	x					7	
60	092160	Tin học ứng dụng 2	2	x					7	
61	093030	Công trình bến cảng 1	2	x		093010			7	
62	093040	ĐAMH Công trình bến cảng 1	1	x					7	
63	093050	CT thủy công trong NM đóng tàu	2	x					7	
64	093060	ĐAMH CT thủy công trong NMDT	1	x					7	
65	092170	Động lực học công trình	2	x					7	
66	415030	Kinh tế xây dựng	2	x					7	
67	093070	Công trình thủy lợi	2	x					7	
68	093171	TB đệm tàu, neo tàu	1		x			Chọn 1 trong 4 học phần	7	
69	093172	XĐ QM KT các BP CY trong cảng	1		x				7	
70	093173	KC BTCT dự ứng lực	1		x				7	
71	093174	Phương pháp phần tử hữu hạn	1		x				7	17
72	093080	CT bảo vệ bờ và chắn sóng	2	x					8	
73	093090	Công trình biển cố định	2	x					8	
74	093100	Công trình bến cảng 2	2	x					8	
75	093110	ĐAMH Công trình bến cảng 2	1	x					8	
76	093120	Chỉnh trị sông-Âu tàu	2	x					8	
77	093130	ĐAMH Chỉnh trị sông-Âu tàu	1	x					8	
78	093140	Thi công CM và AT lao động	2	x					8	
79	093150	ĐA Thi công CM và An toàn LĐ	1	x					8	13
80	005005	TN Cuối khoá lý luận chính trị		x				ĐK xét TN	9	
81	093190	Thực tập tốt nghiệp	3	x		Tất cả			9	
82	093200	Làm Luận văn/Thi tốt nghiệp	10	x			Tất cả		9	13

Tổng cộng 161

Ghi chú